

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2019

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị N, sinh năm 1997.

HKTT: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay đang cư trú tại Đài Loan.

(Chị N có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc. Đến tháng 02/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô sát sau đó đến tháng 5 năm 2017 chị và con trai về nhà ngoại ở, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Được một thời gian ngắn thì anh Q và ông bà nội lên đón cháu về ở để tiện chăm sóc. Từ thời điểm hai vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Sau một thời gian chị được biết anh Q đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh Q chị xác định anh Q không cho chị biết và cả gia đình nhà chồng đều không biết nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh Q ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Hoàng Bảo D, sinh ngày 15/6/2015. Hiện nay đang ở cùng ông bà nội tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 26/4/2019 Tòa án đã yêu cầu ông Hoàng Văn L và bà Dương Thị L1: Đại diện thân nhân (bố, mẹ đẻ) của anh Q cho biết địa chỉ cụ thể của anh Q nhưng ông L và bà L1 đều xác định anh Q hiện đang ở nước ngoài (Đài Loan) và vẫn thỉnh thoảng gọi điện về cho ông bà nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh Q để cung cấp cho Tòa án. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án ông bà có thông tin cho anh Q biết thì anh Q có thông tin lại với ông bà như sau: Anh xác định anh và chị N có mâu thuẫn từ trước thời điểm anh đi xuất khẩu lao động, hiện anh không còn tình cảm với chị N, về việc chị N xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Bảo D, sinh ngày 15/6/2015. Hiện đang ở cùng bố mẹ anh nếu chị N muốn nuôi con anh đồng ý vì hiện nay anh đang lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên anh xác định anh sẽ tự có trách nhiệm đối với con sau. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị.

Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 2069/PA01(XNC) ngày 10/4/2019 của Công an tỉnh Thái Nguyên về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam - Anh Hoàng Văn Q đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 10/4/2018, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Triệu Thị N là người Việt Nam ở trong nước và bị đơn anh Hoàng Văn Q là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng chị N chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Q ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh Q là ông L và bà L1 có đủ căn cứ xác định anh Q vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà không cung cấp địa chỉ của bị đơn anh Q và anh Q cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N khai: Chị và anh Q kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc. Đến tháng 02/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô sát sau đó chị về nhà ngoại rồi hai vợ chồng ly thân và không liên lạc từ đó cho đến nay. Sau một thời gian chị được biết anh Q đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Phía bị đơn anh Q mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định anh và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện anh không còn tình cảm với chị N, về việc chị N xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy, giữa chị N và anh đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị N được ly hôn anh Q là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Bảo D, sinh ngày 15/6/2015 hiện đang ở với ông bà nội tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Thông qua đại diện thân nhân là ông L và bà L1, qua điện thoại ý kiến của anh Q nhất trí để chị N trực tiếp nuôi, chị N không yêu cầu cấp dưỡng anh đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Hoàng Bảo D hiện còn rất nhỏ, anh Q đang lao động xuất khẩu ở nước ngoài nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Q do chị N không yêu cầu. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định không có, phía anh Q không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Q; Con chung: Giao cháu Hoàng Bảo D, sinh ngày 15/6/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q vì chị N không yêu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Bảo D, sinh ngày 15/6/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Q do chị N không yêu cầu. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp số 0008768 ngày 18/4/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Q được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã T, P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Nhài